

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CON CUÔNG
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2025/ST-HNGĐ

Ngày 22/4/2025

“V/v Tranh chấp Hôn nhân và gia đình”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CON CUÔNG - TỈNH NGHỆ AN**

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lữ Thị Dung

Các hội thẩm nhân dân: Ông Lương Văn Giang; Bà Lương Thị Thùy Dung.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Lê - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hoan - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 4 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 06/2025/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 01 năm 2025 về việc “*Tranh chấp Hôn nhân và gia đình*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2025/QĐXX-ST, ngày 02 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** **Chị La Thị P - sinh năm 1991** - có mặt.

- **Bị đơn:** **Anh Kha Văn T - sinh năm 1991** - vắng mặt.

Đều trú tại: Bản N, xã B, huyện C, tỉnh Nghệ An.

- **Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:** Ông Phạm Thế K - Trợ giúp viên thuộc trung tâm T1. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa chị La Thị P trình bày: Chị La Thị P và anh Kha Văn T kết hôn với nhau vào ngày 23/4/2012, đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện C, tỉnh Nghệ An, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc đến năm 2015 thì bắt đầu xảy ra nhiều mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cãi vã, xúc phạm lẫn nhau, nguyên nhân do anh T nghiện ma túy, không chịu khó làm ăn, không chăm lo cho gia đình, mâu thuẫn đã được gia đình hai bên nội ngoại hòa giải nhiều lần và hai vợ chồng đã cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng cuộc sống có quá nhiều mâu thuẫn, vợ chồng sống ly thân từ năm 2015 cho đến nay không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, tình cảm vợ chồng

không còn nên chị P làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Kha Văn T.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 01 người con chung là Kha Thái H - sinh ngày 04/7/2015, hiện nay đang sinh sống cùng chị P, nếu ly hôn chị P có nguyện vọng trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản chung: Chị La Thị P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng chị P không nợ tổ chức, cá nhân nào và cũng không ai nợ vợ chồng chị.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm anh Kha Văn T đều vắng mặt, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập nhiều lần nên Tòa án không thể tiến hành các thủ tục tố tụng theo quy định tại Điều 204; 207; 208 và Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Về tình cảm: Chị La Thị P và anh K1 văn Truân đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện C trên cơ sở tự nguyện, đảm bảo các điều kiện về kết hôn. Tuy nhiên trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, vợ chồng sống ly thân đã lâu không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được đề nghị HĐXX chấp nhận đơn khởi kiện cho chị La Thị P được ly hôn với anh Kha Văn T; Về con chung: Vợ chồng chị P có 01 người con chung Kha Thái H - sinh ngày 04/7/2015, hiện nay đang sinh sống cùng chị P, nếu ly hôn chị P có nguyện vọng trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng tiền nuôi con, Cháu Kha Thái H có nguyện vọng được sinh sống cùng với mẹ, cần sự chăm sóc nuôi dưỡng của người mẹ, mặt khác hiện nay anh T không có mặt ở địa phương, việc giao con cho anh T nuôi dưỡng là không đảm bảo điều kiện về mọi mặt của con nên đề nghị HĐXX xem xét giao con chung cho chị La Thị P trực tiếp nuôi dưỡng; Về cấp dưỡng nuôi con và tài sản chung của vợ chồng chị P không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị không xem xét.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Con Cuông phát biểu ý kiến theo quy định tại Điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự như sau:

- Về tố tụng:

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

+ Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng; nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật, bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51; Điều 53; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn xin ly hôn của chị La Thị P. Cho chị La Thị P được ly hôn với anh Kha Văn T và chấm dứt quan hệ hôn nhân kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật; Về con chung: Giao con chung Kha Thái H - sinh ngày 04/7/2015 cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng; Về cấp dưỡng nuôi con và tài sản chung của vợ chồng chị P không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét; Về án phí chị P phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình, bị đơn hiện cư trú bản Nà Cọ, xã B, huyện C, tỉnh Nghệ An nên Tòa án nhân dân huyện Con Cuông thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Qua xác minh tình trạng hôn nhân của chị La Thị P và anh Kha Văn T tại UBND xã B, huyện C cho biết, sau khi đăng ký kết hôn chị P và anh T sinh sống tại bản N, xã B, huyện C, vợ chồng chị P thường xuyên cãi vã, mâu thuẫn với nhau do anh T nghiện ma túy nên chị P cùng với con bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, vợ chồng sống ly thân từ lâu, hiện tại anh T không có mặt ở địa phương đi đâu chính quyền, địa phương không biết vì anh T không khai báo cắt khẩu tạm trú, tạm vắng. Tại biên bản lấy lời khai bà Lê Thị H1 - Trú tại Bản Nà Cọ, xã B, huyện C là mẹ đẻ của anh Kha Văn T cho biết, sau khi chị P và anh T kết hôn thì sống tại gia đình bà một thời gian rồi cùng nhau đi làm công nhân thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T nghiện ma túy nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, đến năm 2019 chị P cùng với con trai bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, gia đình cũng đã hòa giải nhiều lần nhưng không thành, còn anh T đi làm ăn xa thỉnh thoảng có gọi điện về cho gia đình, còn anh T làm việc gì, địa chỉ cụ thể thì bà H1 không biết. Bà H1 đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật, nhưng không ký vào biên bản ghi lời khai và cũng không nhận các văn bản tố tụng của Tòa án đến tổng đạt cho anh T nên Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng tại nơi anh T cư trú và tại trụ sở UBND xã B, huyện C, tỉnh Nghệ An theo đúng quy định pháp luật.

Như vậy, bị đơn anh Kha Văn T vắng mặt nơi cư trú mà không rõ thời điểm trở về và cũng không xác định được nơi cư trú mới. Theo quy định tại Điều 40; điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự thì được coi là cố tình che giấu địa chỉ nên Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án theo thủ tục chung là phù hợp với hướng dẫn tại điểm a khoản 2 Điều 6 nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Kha Văn T đã được Tòa án, niêm yết tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập để trình bày ý kiến; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định đưa vụ án ra xét xử vắng mặt anh K1 văn T theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh T không nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện nên Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn đã giao nộp và Tòa án thu thập được để giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 96 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Xét thấy chị La Thị P và anh Kha Văn T có đăng ký kết hôn vào ngày 23/4/2012, đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện C, tỉnh Nghệ An, việc đăng ký kết hôn là tự nguyện, không vi phạm quy định về điều kiện và thủ tục kết hôn theo quy định tại Điều 8; Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị La Thị P và anh Kha Văn T là hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị P, anh T phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân với nhau từ năm 2019 cho đến nay, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, như vậy chị P và anh T đã vi phạm tình nghĩa vợ chồng.

Tại phiên tòa anh Kha Văn T vắng mặt không có ý kiến trình bày nhưng qua xác minh tại địa phương và gia đình cho biết: Quá trình kết hôn và chung sống vợ chồng chị P, anh T xảy ra nhiều mâu thuẫn và đã ly thân từ năm 2019 cho đến nay không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, hiện tại anh T không có mặt ở địa phương đi đâu chính quyền, địa phương không biết vì anh T không khai báo cất khẩu tạm trú, tạm vắng. Xét thấy tình cảm vợ chồng chị La Thị P và anh Kha Văn T không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn cho chị La Thị P được ly hôn với anh K1 văn Truân.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng chị P có 01 người con chung là Kha Thái H - sinh ngày 04/7/2015, hiện nay đang sinh sống cùng chị P, nếu ly hôn chị P có nguyện vọng trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng tiền nuôi con, cháu Kha Thái H có nguyện vọng được sinh sống cùng với mẹ, cần sự chăm sóc nuôi dưỡng của người mẹ và hiện tại anh Kha Văn T không có mặt ở địa phương, việc giao con cho anh T nuôi dưỡng là không đảm bảo điều kiện về mọi mặt của con. Xét thấy nguyện vọng của chị P là chính đáng, để đảm bảo quyền lợi của con nên xét giao con chung cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi tròn 18 tuổi, trưởng thành. Về cấp dưỡng nuôi con do chị P không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung: La Thị P và anh K1 vẫn T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên căn cứ vào khoản 1 Điều 5 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Chị La Thị P phải nộp án phí ly hôn theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Điều 51; Điều 53; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 207; Điều 227; Điều 228; Điều 238 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị La Thị P.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị La Thị P được ly hôn với anh Kha Văn T. Chị La Thị P và anh K1 vẫn Truân chấm dứt quan hệ hôn nhân kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung: Giao con chung là Kha Thái H - sinh ngày 04/7/2015 cho chị La Thị P trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi tròn 18 tuổi, trưởng thành. Anh Kha Văn T có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở, vì lợi ích mọi mặt của con khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi cấp dưỡng nuôi con hoặc người trực tiếp nuôi con. Chị P cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Về án phí: Áp dụng khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, chị La Thị P phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí chị P đã nộp 300.000 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An theo biên lai thu tiền số 0000821 ngày 14/01/2025.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh NA;
- VKSND huyện Con Cuông;
- Chi cục THADS huyện Con Cuông;
- Nguyên đơn, bị đơn;
- UBND xã Bình Chuẩn;
- Lưu hồ sơ -VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Lữ Thị Dung